|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS ……..  TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN HỌC NGỮ VĂN, KHỐI LỚP 6

(Năm học 2021 - 2022)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 02 ; Số học sinh: .... ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): Không

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: ... ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: ....; Đại học: .... ; Trên đại học: 0

3. Thiết bị dạy học:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị  dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy tính | 2 | Dạy học văn bản; Thực hành tiếng Việt; Nói và viết | Nhà trường trang bị để ở các lớp học |
| 2 | Máy chiếu | 2 | Dạy học văn bản; Thực hành tiếng Việt; Nói và viết | Nhà trường trang bị để ở các lớp học |
| 3 | Phiếu học tập | N | Dạy học văn bản; Thực hành tiếng Việt; Nói và viết | Giáo viên chủ động chuẩn bị |
| 4 | Bảng phụ | 10 | Dạy học văn bản; Thực hành tiếng Việt; Nói và viết | Các lớp chuẩn bị |

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập: Không

II. Kế hoạch dạy học:

1. Phân phối chương trình:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ I (Năm học 2021-2022)** | | | | | |
| **STT** | **BÀI HỌC/ BÀI KIỂM TRA**  **ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ** | | **SỐ TIẾT** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| **1** | **BÀI**  **MỞ ĐẦU**  **(NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC SÁCH NGỮ VĂN 6)** | **Nội dung chính của Sách giáo khoa** | **2**  **(Tiết 1,2)** | ***1. Kiến thức:***  - Những nội dung chính của sách ngữ văn 6  - Cấu trúc của sách và những bài học trong sách  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết được những nội dung chính của sách ngữ văn 6  - Nhận biết và Phân tích được cấu trúc của sách và những bài học trong sách  - Biết sử dụng linh hoạt cấu trúc của sách trong quá trình học và chuẩn bị bài.  ***3. Phẩm chất:***  - Yêu thích môn học. |  |
| ***I. Học đọc*** |
| ***II. Học viết*** |
| ***III. Học nói và nghe*** |
| **2** | **Giới thiệu cấu trúc Sách giáo khoa** | **1**  **(Tiết 3)** |
| **3** | **Hướng dẫn học sinh soạn bài, chuẩn bị bài học, ghi bài, tự đánh giá, hướng dẫn tự học** | **1**  **(Tiết 4)** |
| **4** | **BÀI 1.**  **TRUYỆN (TRUYỀN THUYẾT VÀ CỔ TÍCH)** | **- Đọc hiểu văn bản:**  ***+Văn bản 1:*** *Thánh Gióng* | **3**  **(Tiết 5,6,7)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức bước đầu biết về thể loại truyền thuyết; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản truyền thuyết *Thánh Gióng*.  - Tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.  - Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết về đề tài giữ nước.  - Những sự kiện và di tích phản ánh lịch sử đấu tranh  giữ nước của ông cha ta được kể trong một tác phẩm truyền thuyết.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được ngôi kể trong văn bản.  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường,,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện truyền thuyết.  - Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết về đề tài giữ nước; những sự kiện và di tích phản ánh lịch sử đấu tranh giữ nước của ông cha ta được kể trong một tác phẩm truyền thuyết.  - Tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc thể hiện trong tác phẩm.  ***3. Về phẩm chất:***  - HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống, tự hào về truyền thống đánh giặc của dân tộc.  -HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết. |  |
| **5** |  | ***+ Văn bản 2:*** *Thạch sanh* | **3**  **(Tiết 8,9,10)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức đặc trưng của truyện cổ tích về người dũng sĩ và nhân vật, sự việc của truyện Thạch Sanh nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản cổ tích *Thạch Sanh*.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được ngôi kể trong văn bản.  **-** Nhận biết được đặc trưng của truyện cổ tích về người dũng sĩ và nhân vật, sự việc của truyện Thạch Sanh.  - Hiểu được và cảm nhận được những nét đặc sắc về nghệ thuật và giá trị nội dung của truyện.  - Vận dụng bài học vào việc rèn phẩm chất tốt đẹp của con người: thật thà, chất phác, dũng cảm.  - Đánh giá được nhân vật trong truyện và đánh giá được bản thân, bạn học.  ***3. Về phẩm chất:***  *-* Qua tìm hiểu văn bản, HS ý thức giá trị của lòng nhân ái, sự công bằng trong cuộc sống. Suy nghĩ sáng tạo và trình bày suy nghĩ về ý nghĩa và cách ứng xử thể hiện tinh thần nhân ái, sự công bằng. |  |
| **6** |  | **- Thực hành tiếng Việt:**  ***Từ đơn và từ phức*** | **1**  **(Tiết 11)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức được từ đơn, từ phức (từ ghép và từ láy)  - Phân biệt được từ ghép và từ láy.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được từ đơn và từ phức; từ ghép và từ láy  - Phân loại được cấu tạo của từ đơn, từ phức, các loại từ phức.  - Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng từ đơn, từ phức, các loại từ phức.  ***3. Về phẩm chất:***  - HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  - Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. |  |
| **7** |  | **- Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản3:*** *Sự tích Hồ Gươm* | **1**  **(Tiết 12)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức bước đầu biết về thể loại truyền thuyết; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm*.  - Tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.  - Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết về đề tài giữ nước.  - Những sự kiện và di tích phản ánh lịch sử đấu tranh giữ nước của ông cha ta được kể trong một tác phẩm truyền thuyết.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được ngôi kể trong văn bản.  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố hoang đường,,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện truyền thuyết.  - Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết về đề tài giữ nước; những sự kiện và di tích phản ánh lịch sử đấu tranh giữ nước của ông cha ta được kể trong một tác phẩm truyền thuyết.  - Tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc thể hiện trong tác phẩm.  ***3. Về phẩm chất:***  - HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống, tự hào về truyền thống đánh giặc của dân tộc.  -HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  - hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết. |  |
| **8** |  | **- Viết**: Viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết, cổ tích | **3**  **(Tiết 13,14,15)** | ***1. Về kiến thức****:*  - Dùng lời văn của bản thân để kể lại một truyện truyền thuyết, cổ tích (đã học, đã đọc, đã nghe).  - Các chi tiết, cốt truyện, nhân vật.  - Thay đổi từ ngữ, cách đặt câu, thay đổi kết thúc truyện, bổ sung yếu tố miêu tả, biểu cảm.  ***2. Về năng lực****:*  - Biết dùng lời văn của bản thân để kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích.  - Biết thay đổi: một số từ ngữ, cách đặt câu, thay đổi kết thúc truyện và biết thêm một vài chi tiết, yếu tổ miêu tả, biểu cảm theo trí tưởng tượng của mình.  - Tập trung trọng tâm vào các chi tiết, cốt truyện, nhân vật.  ***3. Về phẩm chất****:*  - HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.  -Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng vào bài viết |  |
| **9** |  | **- Nói và nghe:**Kể lại một truyện truyền thuyết, cổ tích | **1**  **(Tiết 16)** | ***1. Về kiến thức:***  - Ngôi kể và người kể chuyện.  - Kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích (có thể sáng tạo thêm các chi tiết, hình ảnh, cách kết thúc truyện…)  ***2. Về năng lực:***  - Biết kể chuyện đã biết bằng lời văn nói của bản thân (có thể sáng tạo thêm các chi tiết, hình ảnh, cách kết thúc truyện …).  - Biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể).  - Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại truyện.  ***3. Về phẩm chất:***  - Trân trọng, yêu mến những tác phẩm văn học.  - Luôn nỗ lực, sáng tạo những điều mới mang dấu ấn cá nhân. |  |
|  |  | **Tự đánh giá, hướng dẫn tự học (học sinh tự học)** |  |  |  |
| **10** | **BÀI 2.**  **THƠ**  **(THƠ LỤC BÁT)** | **- Đọc hiểu văn bản:**  *+* ***Văn bản 1:*** *À ơi tay mẹ*  *(Bình Nguyên)* | **2**  **(Tiết 17,18)** | ***1. Về kiến thức:***  - Những nét tiêu biểu về nhà thơ Bình Nguyên  *-*  Hiểu được tình cảm người mẹ dành cho đứa con, đó cũng là hình tượng người phụ nữ Việt Nam.  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (vần, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa…) của bài thơ lục bát.  - Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ.  ***2. Về năng lực:***  - Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *À ơi tay mẹ.*  - Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa bài thơ.  - Biết cách phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của bài thơ với các bài cùng chủ đề.  ***3. Về phẩm chất:***  *-* Giúp học sinh hiểu và trân trọng tình cảm của cha mẹ dành cho con cái |  |
| **11** |  | *+* ***Văn bản 2:*** *Về thăm mẹ*  *(Đinh Nam Khương)* | **2**  **(Tiết 19,20)** | ***1. Về kiến thức:***  - Vài nét chung về nhà thơ Đinh Nam Khương;  - Một số yếu tố hình thức (về vần, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa,…) của bài thơ lục bát;  - Nội dung bài thơ là những tình cảm của người con xa nhà trong một lần về thăm mẹ, hình ảnh mẹ hiện hữu trong từng sự vật thân thuộc xung quanh;  - Đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ.  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thể thơ lục bát thể hiện trong bài *Về thăm mẹ*;  - Chỉ ra được kết cấu bài thơ;  - Nhận biết và thông hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong bài thơ;  - Cảm nhận được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ *Về thăm mẹ*;  - Cảm nhận được tình cảm yêu thương, trân trọng mẹ mà nhà thơ gửi gắm;  - Thấm thía tình yêu thương cha mẹ dành cho chúng ta.  ***3. Về phẩm chất:***  - Yêu thương, biết ơn, trân trọng và hiếu thảo với cha mẹ. |  |
| **12** |  | **- Thực hành tiếng Việt:**  *Biện pháp tu từ ẩn dụ* | **2**  **(Tiết 21,22)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức về từ láy, biện pháp tu từ ẩn dụ.  ***2. Về năng lực:***  - Chỉ ra và nêu tác dụng các từ láy được sử dụng trong bài.  - Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ , kiểu ẩn dụ.  - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ.  ***3. Về phẩm chất:***  *-* Biết cách sử dụng từ láy, biện pháp tu từ ẩn dụ trong khi viết bài và giao tiếp hằng ngày. |  |
| **13** |  | **- Thực hành đọc hiểu:**  *Ca dao Việt Nam* | **1**  **(Tiết 23)** | ***1. Về kiến thức:***  - Đặc điểm cơ bản của ca dao: hình thức thơ, phương diện nội dung.  - Nội dung của một số bài ca dao về tình cảm gia đình;  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thể thơ lục bát thể hiện trong ba bài ca dao;  - Phân tích được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của ba bài ca dao;  - Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được thể hiện trong các bài ca dao;  ***3. Về phẩm chất:***  - Biết ơn tổ tiên, kính trọng ông bà, cha mẹ, anh chị em ruột thịt và các mối quan hệ khác, từ đó có ý thức trước những hành động của mình. |  |
| **14** |  | **- Viết**: Tập làm thơ lục bát | **3**  **(Tiết 24,25,26)** | ***1. Về kiến thức****:*  - Yêu cầu về thể thơ, nhịp thơ, gieo vần trong thơ lục bát;  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp;  - Kết hợp một số biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ.  ***2. Về năng lực****:*  - Biết lựa chọn từ ngữ phù hợp;  - Nắm được quy tắc B -T trong thơ lục bát;  - Bước đầu biết viết bài thơ theo thể lục bát về 1 nội dung cụ thể có kết hợp một số biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ.  ***3. Về phẩm chất****:*  - HS có ý thức học tập, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.  -Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.  - Yêu thương, biết ơn, trân trọng công lao của cha mẹ, ông bà, thầy cô giáo…  - Bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt. |  |
| **15** |  | **- Nói và nghe:**Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ về người thân | **2**  **(Tiết 27,28)** | ***1. Về kiến thức:***  - Người kể chuyện ngôi thứ nhất;  - Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân;  - Cảm xúc, suy nghĩ của người nói trước sự việc được kể.  ***2. Về năng lực:***  - Biết kể chuyện về một trải nghiệm của bản thân ở ngôi thứ nhất, bằng lời văn nói;  - Biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể);  - Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài.  ***3. Về phẩm chất:***  - Nhân ái*:* Trân trọng, yêu mến những trải nghiệm của bản thân và các bạn;  - Chăm chỉ:Luôn nỗ lực để tạo nên những điều mới mang dấu ấn cá nhân.  - Tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp.  - Bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt thông qua hoạt động nói. |  |
|  |  | **Tự đánh giá, hướng dẫn tự học ( học sinh tự học)** |  |  |  |
| **16** | **BÀI 3.**  **KÝ**  **(HỒI KÝ VÀ DU KÝ)** | **- Đọc hiểu văn bản:**  *+* ***Văn bản 1:*** *Trong lòng mẹ*  *(Nguyên Hồng)* | **3**  **(Tiết 29,30,31)** | ***1. Về kiến thức:***  - Khái niệm hồi kí.  - Những nét tiêu biểu về nhà văn Nguyên Hồng.  - Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất.  - Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong đoạn trích *Trong lòng mẹ.*  - Tình cảnh đáng thương và nỗi đau tinh thần của nhân vật chú bé Hồng, cảm nhận được tình yêu thương mãnh liệt của chú với mẹ.  - Đặc sắc của thể văn này qua ngòi bút Nguyên Hồng thấm được chất trữ tình, lời văn tự truyện chân thành, giàu sức truyền cảm.  ***2. Về năng lực:***  **-** Biết cách đọc hiểu một văn bản hồi kí.  - Xác định được ngôi kể trong văn bản.  - Phân tích được nhân vật chú bé Hồng.  - Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.  ***3. Về phẩm chất:***  - Nhân ái, đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh. |  |
| **17** | **ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I** | **Ôn tập giữa học kỳ I***:* Đọc hiểu, thực hành Tiếng Việt, viết | **1**  **(Tiết 32)** | ***1. Về kiến thức:***  - Giúp học sinh hệ thống hoá kiến thức đã học và cách sử dụng những kiến thức ấy vào bài kiểm tra.  - Trình bày được các nội dung cơ bản đã học ở giữa học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.  ***2. Về năng lực:***  - Biết vận dụng những kiến thức và kĩ năng ngữ văn đã học một cách tổng hợp, toàn diện theo nội dung và cách thức kiểm tra, đánh giá mới.  ***3. Về phẩm chất:***  - Giáo dục cho HS ý thức làm bài cẩn thận, khoa học.  - Tự tin, độc lập, tự chủ. |  |
| **18** |  | **Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I** | **2**  **(Tiết 33,34)** | ***1. Kiến thức:***  - Kiến thức về văn bản truyện, thơ  - Kiến thức về từ trong câu và đoạn văn.  **2*. Năng lực:***  - Củng cố, khắc sâu kiến thức về truyện và thơ  - Nhận biết và vận dụng được kiến thức về từ trong câu và đoạn văn.  - Viết được bài văn tự sự  ***3. Phẩm chất:***  - Chăm chỉ ôn luyện, trung thực trong kiểm tra, đánh giá. |  |
| **19** | **BÀI 3.**  **KÝ**  **(HỒI KÝ VÀ DU KÝ)** | + ***Văn bản 2:*** *Đồng Tháp Mười mùa nước nổi (Văn Công Hùng)* | **3**  **(Tiết 35,36,37)** | ***1. Về kiến thức***  - Vẻ đẹp của vùng đất Đồng Tháp Mười.  - Một số yếu tố hình thức (ngôi kể, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa…) của văn bản du kí.  ***2. Về năng lực***  - Xác định được phương thức biểu đạt, ngôi kể của văn bản.  - Nhận biết được các chi tiết về cảnh đẹp và con người vùng Đồng Tháp Mười.  - Phân tích được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật có trong văn bản.  ***3. Về phẩm chất:***  - Giúp học sinh thêm yêu và tự hào về cảnh sắc thiên nhiên, đất nước. |  |
| **20** |  | **- Thực hành tiếng Việt:**  *Từ mượn* | **1**  **(Tiết 38)** | ***1. Về kiến thức***  - Đặc điểm về nguồn gốc và nghĩa của từ Tiếng Việt: đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn.  - Đa dạng về từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn và tác dụng của nó trong văn bản.  ***2. Năng lực***  - Thu thập, sưu tầm những từ mượn được sử dụng thông dụng trong cuộc sống.  - Năng lực nhận diện từ đa nghĩa, đa âm, từ mượn trong văn bản.  - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nguồn gốc và nghĩa của từ.  - Năng lực giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.  ***3. Phẩm chất:***  - Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. Trân trọng giữ gìn vẻ đẹp và sự trong sáng của Tiếng Việt. |  |
| **21** |  | **- Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản 3:***  *Thời thơ ấu của Honda* | **1**  **(Tiết 39)** | ***1. Về kiến thức:***  - Những nét tiêu biểu về Hon-đa Sô-i-chi-ô  - Một số yếu tố hình thức (ngôi kể, tính xác thực, cách kể sự việc, hình thức ghi chép), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa…) của văn bản hồi kí.  - Những kỉ niệm thời thơ ấu.  ***2. Về năng lực:***  **-** Thu thập được thông tin liên quan đến VB, *tác giả Hon-đa Sô-i-chi-rô.*  **-** Nhận biết được một số yếu tố hình thức, nội dung của văn bản hồi kí.  - Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hồi kí.  - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật.  - Phân tích, so sánh được đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề.  ***3. Về phẩm chất:***  - Trân trọng những kỉ niệm thời thơ ấu, thích khám phá, xây dựng ước mơ cao đẹp và nỗ lực vượt qua khó khăn. |  |
| **22** |  | **Trả bài kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I** | **1**  **(Tiết 40)** | ***1. Về kiến thức:***  **-** Củng cố kiến thức của bài kiểm tra giữa kỳ.  ***2. Về năng lực:***  - Đọc và xác định đúng yêu cầu của đề.  **-** Nghiêm túc, có tinh thần phê và tự phê, rút kinh nghiệm cho các bài KT sau.  ***3. Về phẩm chất:***  + Trung thực, tự trọng, chí công, vô tư.  + Tự lập, tự tin, tự chủ.  + Có trách nhiệm. |  |
| **23** |  | **- Viết**: Viết bài văn kể về một kỉ niệm của bản thân | **3**  **(Tiết 41,42,43)** | ***1. Về kiến thức:***  - Dùng lời văn của bản thân kể về một kỉ niệm sâu sắc.  ***2. Về năng lực****:*  - Biết dùng lời văn của bản thân để kể lại một kỉ niệm sâu sắc.  ***3. Về phẩm chất:***  - HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.  -Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng vào bài viết |  |
| **24** |  | **- Nói và nghe:**Kể về một kỉ niệm của bản thân | **1**  **(Tiết 44)** | ***1. Về kiến thức:***  - HS biết cách kể lại một kỉ niệm của bản thân.  - Nói và nghe phù hợp: người nói thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.  ***2. Về năng lực****:*  - Biết dùng lời văn của bản thân để kể lại một kỉ niệm sâu sắc.  ***3. Về phẩm chất:***  - HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.  -Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng khi nói và nghe*.* |  |
|  |  | **Tự đánh giá, hướng dẫn tự học (học sinh tự học)** |  |  |  |
| **25** | **BÀI 4.**  **VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**  **(NGHỊ LUẬN VĂN HỌC)** | **- Đọc hiểu văn bản:**  ***+Văn bản 1:*** *Nguyên Hồng- nhà văn của**những người cùng khổ* | **3**  **(Tiết 45,46,47)** | ***1. Về kiến thức:***  - Một vài thông tin về nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh  - Đặc điểm của văn bản nghị luận ( Nghị luận văn học) thể hiện qua nội dung, hình thức của văn bản  - Tuổi thơ cơ cực với nhiều cay đắng, tủi hờn của nhà văn Nguyên Hồng  ***2. Về năng lực:***  - Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ…  - Nhận biết được các đặc điểm của văn bản nghị luận văn học qua các văn bản đọc hiểu trong SGK  - Phân tích, so sánh được những điểm khác biệt cơ bản giữa văn bản nghị luận với một số kiểu văn bản đã học như thơ, truyện  ***3. Về phẩm chất:***  - Nhân ái: Biết quan tâm, chia sẻ, yêu thương mọi người đặc biệt là những người bạn có hoàn cảnh khó khăn hơn mình  - Trung thực: chân thành, thẳng thắn với bạn bè, thành thật với thầy cô... |  |
| **26** |  | + ***Văn bản 2:*** *Vẻ đẹp của một bài ca dao* | **2**  **(Tiết 48,49)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức về văn bản nghị luận ( Nghị luận văn học): ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố này.  - Mối quan hệ giữa nhan đề với nội dung của văn bản  - Tư tưởng, tình cảm của tác giả Hoàng Tiến Tựu thể hiện qua văn bản *Vẻ đẹp của một bài ca dao*  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  - Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Yêu nước :* Tự hào về vẻ đẹp và sự phong phú của nền văn học dân gian của dân tộc ( ca dao)  - *Trách nhiệm*: có ý thức, trách nhiệm gìn giữ và phát huy vẻ đẹp của ca dao Việt Nam.  **-***Chăm chỉ :*Tự giác, chăm chỉ trong học tập và lao động, ham tìm hiểu và yêu thích văn học. |  |
| **27** |  | **- Thực hành tiếng Việt:**  *Thành ngữ, dấu chấm phẩy* | **2**  **(Tiết 50,51)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức được thành ngữ, dấu chấm phẩy  - Nghĩa của thành ngữ, công dụng của dấu chấm phẩy.  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết được một số thành ngữ.  - Giải thích được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.  - Nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy.  - Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng thành ngữ, dấu chấm phẩy.  -Biết cách viết một đoạn văn theo mẫu có phép so sánh.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Yêu nước:* Hiểu và tự hào về sự phong phú của tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt – ngôn ngữ của dân tộc chúng ta.  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. |  |
| **28** |  | **- Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản 3:*** *Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước.* | **1**  **(Tiết 52)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức văn nghị luận văn học  - Ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết  - Tóm tắt được văn bản nghị luận để nắm được ý chính của văn bản  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề bài  - Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.  - Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ  - Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản  ***3. Về phẩm chất:***  - Yêu nước, tự hào về truyền thống đánh giặc của dân tộc. |  |
| **29** |  | **- Viết**: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát | **3**  **(Tiết 53,54,55)** | ***1. Về kiến thức****:*  - Nêu cảm nghĩ về một bài thơ lục bát ( đã học, đọc thêm)  - Các chi tiết về nội dung, yếu tố nghệ thuật của bài thơ lục bát  - Lựa chọn từ ngữ biểu cảm, nhận xét đánh giá về nội dung và nghệ thuật cảu bài thơ lục bát  ***2. Về năng lực****:*  - Biết dùng những từ ngữ biểu cảm, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc riêng của cá nhân.  - Biết đưa ra cảm nhận riêng về nội dung, cách dùng từ ngữ biểu đạt của tác giả trong bài thơ lục bát  - Phát hiện chi tiết nghệ thuật, cảm nhận hình tượng thơ  - Tạo lập văn bản dưới hình thức một đoạn văn  ***3. Về phẩm chất****:*  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo, tích cực tự giác trong học tập  -*Trách nhiệm:*Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. |  |
| **30** |  | **- Nói và nghe:**Trình bày ý kiến về một vấn đề. | **1**  **(Tiết 56)** | **1. Kiến thức:**  - HS nắm vững những yêu cầu khi trình bày ý kiến về một vấn đề bằng ngôn ngữ nói (nêu lên những suy nghĩ, nhận xét, đưa ra lí lẽ và những bằng chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.)  - Củng cố kiến thức về các vấn đề có liên quan đến nội dung nói.  - Biết tìm ý, lập dàn ý, cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (hoặc văn học), để thông qua đó tập nói năng một cách mạnh dạn, tự nhiên, trôi chảy.  - Nắm bắt được những thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra được những nhận xét, góp ý cho bạn.  **2. Năng lực**  ***-*** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực sử dụng ngôn ngữ: tạo điều kiện để HS thể hiện tư tưởng của mình một cách trung thực nhất, tự nhiên nhất. Tôn trọng những ý kiến, cách nhìn nhận, quan điểm của cá nhân người học về các vấn đề được đặt ra.  **3. Phẩm chất:**  - *Nhân ái:* Qua tiết luyện nói và nghe, HS biết đoàn kết, nhận xét đánh giá theo hướng khích lệ, động viên.  - *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  - *Trách nhiệm:* Trong việc chuẩn bị nội dung tiết nói và nghe một cách tích cực và trách nhiệm với hành vi của bản thân trong cuộc sống. |  |
|  |  | **Tự đánh giá, hướng dẫn tự học (học sinh tự học)** |  |  |  |
| **31** | **BÀI 5.**  **VĂN BẢN THÔNG TIN (THUẬT LẠI SỰ KIỆN THEO**  **TRẬT TỰ THỜI GIAN)** | **- Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1:*** *Hồ Chí Minh và tuyên ngôn Độc lập* | **3**  **(Tiết 57,58,59)** | ***1. Về kiến thức:***  - Giúp học sinh hiểu được những thông tin chính gắn với các mốc thời gian cụ thể với những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc ta: Bác đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.  - Hiểu ý nghĩa của sự kiện trọng đại đó.  ***2. Về năng lực***  - Nhận biết một số yếu tố hình thức của văn bản thông tin: hình ảnh, nhan đề, sa pô...  - Nhận biết một số các chi tiết tiết biểu: đề tài, chủ đề, ý nghĩa...  - Đọc hiểu một văn bản cùng thể loại, cùng chủ đề.  ***3. Về phẩm chất***  - Yêu nước, nhân ái (yêu quý, trân trọng, tự hào về độc lập tự do của dân tộc) trách nhiệm, chăm chỉ (sử dụng đúng Tiếng Việt trong nói và viết, giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt; tích cực, tự giác trong học tập.) |  |
| **32** |  | ***+ Văn bản 2:*** *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* | **2**  **(Tiết 60,61)** | ***1. Về kiến thức:***  - HS nắm được những thông tin về trận chiến lịch sử của dân tộc ta tại cứ điểm Điện Biên Phủ trong thời kì kháng chiến chống Pháp: thời gian, địa điểm của từng đợt tiến công, kết quả.  - Hiểu ý nghĩa của sự kiện trọng đại đó.  - Biết được cách thể hiện văn bản thông tin dưới dạng đồ họa thông tin: cách trình bày, lựa chọn hình ảnh, sa pô; cách đọc một đồ họa thông tin.  ***2. Về năng lực***  - Nhận biết và bước đầu biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản thông tin trình bày dưới dạng đồ họa.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Cùng nhau trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập GV giao phó.  - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến chiến dịch Điện Biên Phủ: diễn biến, kết quả, ý nghĩa của chiến dịch.  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức của văn bản thông tin thuật lại một sự kiện được trình bày dưới dạng đồ họa thông tin: Sa Pô, cách sắp xếp hình ảnh kết hợp với từ ngữ, câu văn.  ***3. Về phẩm chất***  - Yêu nước; tự hào dân tộc; trân trọng giá trị độc lập tự do của dân tộc, có ý thức bảo vệ và xây dựng đất nước.  - Biết ơn thế hệ cha anh đã anh dũng chiến đấu, giành độc lập tự do cho dân tộc. |  |
| **33** |  | **- Thực hành tiếng Việt:**  *Mở rộng vị ngữ* | **2**  **(Tiết 62,63)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức được kiến thức về vị ngữ: Khái niêm, đặc điểm, cấu tạo  - Mục đích của việc mở rộng vị ngữ.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được vị ngữ  - Nhận biết các cụm từ mở rộng vị ngữ.  - Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có mở rộng thành phần vị ngữ.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  - *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. |  |
| **34** |  | **- Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản 3:*** *Giờ Trái Đất* | **1**  **(Tiết 64)** | ***1. Về kiến thức:***  - Văn bản giúp HS hiểu rõ hơn quá trình ra đời, hình thành và phát triển hưởng ứng của chiến dịch giờ Trái đất trên thế giới - một sự kiện mang tính toàn cầu và có ý nghĩa to lớn đối với việc bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta. Từ đó có những suy nghĩ và hành động thiết thực trong vấn đề biến đổi khí hậu, bảo vệ trái đất.  - Đặc điểm và tác dụng của hình thức trình bày văn bản thông tin (nhan đề, sa pô, đề mục, số thứ tự…; phần chữ và phần hình ảnh…)  - Văn bản có sử dụng nhiều câu trần thuật với trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn; Thông tin trình bày theo trình tự thời gian, được đưa ra khách quan, chính xác ; Trình bày vấn đề rõ ràng, chặt chẽ…  - Mở rộng được vị ngữ trong viết và nói.  ***2. Về năng lực:***  + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến chiến dịch giờ Trái đất, năng lực trình bày, suy nghĩ, trao đổi với mọi người về ý nghĩa của ngày giờ Trái đất.  + Năng lực nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhan đề, Sa pô, hình ảnh, cách triển khai...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của văn bản thông tin thuật lại một sự kiện, triển khai thông tin theo trật tự thời gian.  + Hiểu được sự liên quan của vấn đề nêu lên trong văn bản đối với cuộc sống cộng đồng và cá nhân người đọc, hướng tới xây dựng một môi trường xanh – sạch – đẹp.  ***3. Về phẩm chất:***  - Giúp HS có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường, sử dụng các nguồn năng lượng có hiệu quả. |  |
| **35** | **ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA**  **HỌC KÌ I** | **Ôn tập học kỳ I**: Đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết | **1**  **(Tiết 65)** | ***1. Kiến thức:***  - Kiến thức về văn bản truyện, thơ  - Kiến thức về từ, biện pháp tu từ, câu, đoạn văn nghị luận.  ***2. Năng lực:***  - Củng cố, khắc sâu kiến thức về truyện và thơ  - Nhận biết và vận dụng được kiến thức về câu trong đoạn văn.  - Viết được đoạn văn nghị luận  - Viết được bài văn tự sự  ***3. Phẩm chất:***  - Chăm chỉ ôn luyện, trung thực trong kiểm tra, đánh giá. |  |
| **36** |  | **Kiểm tra, đánh giá học kỳ I** | **2**  **(Tiết 66,67)** | ***1. Về kiến thức:***  - Kiến thức tích hợp ba phân môn: Văn - tiếng Việt - Tập làm văn với các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng trong một bài kiểm tra.  ***2. Về năng lực:***  - Năng lực vận dụng các kĩ năng tổng hợp của ba phân môn để làm bài.  - Hiểu và xác định đúng yêu cầu của đề.  - Năng lực sử dụng ngôn ngữ.  - Năng lực cảm thụ văn học.  ***3. Về phẩm chất:***  - Có ý thức làm bài tự giác, tích cực.  - Tự lập, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm. |  |
| **37** |  | **- Viết**: Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện | **3**  **(Tiết 68,69,70)** | ***1. Về kiến thức****:*  - Thể loại văn thuyết minh  - Yêu cầu của một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện: xác định được sự kiện; thu thập các thông tin về sự kiện và sắp xếp các thông tin một cách phù hợp theo trình tự thời gian; sử dụng chữ viết kèm theo hình ảnh để thuật lại sự kiện; lựa chọn được cách trình bày (truyền thống hay đồ họa thông tin).  - Bố cục một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện.  ***2. Về năng lực****:*  **-** Viết được bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm.  - Biết thu thập và xư lý thông tin liên quan đến sự kiện: trên các nguồn khác nhau: sách báo, internet, thực tế đời sống....  - Năng lực hợp tác: khi trao đổi, thảo luận với bạn trong bàn (nhóm) khi thực hiện nhiệm vụ học tập GV giao.  ***3. Về phẩm chất****:*  - Chuyên cần:Tích cực tham gia các hoạt động học.  - Trách nhiệm:HS nghiêm túc học tập. |  |
| **38** |  | **- Nói và nghe:***Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa một sự kiện lịch sử.* | **1**  **(Tiết 71)** | ***1. Về kiến thức:***  - Qua hoạt động nói và nghe giúp các em hiểu rõ hơn ý nghĩa của sự kiện lịch sử đó và ảnh hưởng của nó với cuộc sống ngày nay.  - Thông qua hoạt động HS biết xây dựng các hình thức nói và nghe khác nhau của một văn bản thông tin trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của một sự kiện lịch sử từ đó bày tỏ quan điểm, suy nghĩ, ý kiến của mình về một một sự kiện làm phong phú, đa dạng và hấp dẫn, gây hứng thú trong tiết học.  ***2. Về năng lực:***  - Biết lựa chọn và xác định sự kiện lịch sử và lập dàn ý bài nói cần trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của sự kiện lịch sử  - Biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt phù hợp với đặc trưng của kiểu văn bản thông tin  - Phát huy năng lực môn học như nghe-nói-viết và năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực công nghệ, năng lực tin học của học sinh.  ***3. Về phẩm chất:***  - Trung thực, chăm chỉTrân trọng, yêu mến những  - Luôn nỗ lực, sáng tạo những điều mới mang dấu ấn cá nhân. |  |
| **39** |  | **Trả bài kiểm tra, đánh giá**  **học kỳ I** | **1**  **(Tiết 72)** | ***1. Về kiến thức:***  **-** Củng cố kiến thức của bài kiểm tra giữa kỳ.  ***2. Về năng lực:***  - Đọc và xác định đúng yêu cầu của đề.  **-** Nghiêm túc, có tinh thần phê và tự phê, rút kinh nghiệm cho các bài KT sau.  ***3. Về phẩm chất:***  + Trung thực, tự trọng, chí công, vô tư.  + Tự lập, tự tin, tự chủ.  + Có trách nhiệm. |  |
|  |  | **Tự đánh giá, hướng dẫn tự học (học sinh tự học)** |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ II (Năm học 2021-2022)** | | | | | |
| **STT** | **BÀI HỌC/ BÀI KIỂM TRA**  **ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ** | | **SỐ TIẾT** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| **40** | **BÀI 6.**  **TRUYỆN (TRUYỆN ĐỒNG THOẠI, TRUYỆN CỦA PUS- KIN VÀ AN-ĐÉC-XEN)** | **- Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1:*** *Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài)* | **3**  **(Tiết 73,74,75)** | ***1. Về kiến thức:***  - Nắm được thế nào là truyện đồng thoại.  - Những nét tiêu biểu về nhà văn Tô Hoài.  - Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất.  - Đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ…  - Tính chất của truyện đồng thoại được thể hiện trong văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*”.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được ngôi kể trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”.  - Nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Dế Mèn và Dế Choắt. Từ đó hình dung ra đặc điểm của từng nhân vật.  - Phân tích được đặc điểm của nhân vật Dế Mèn.  - Rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.  ***3. Về phẩm chất:***  Nhân ái, khoan hoà, tôn trọng sự khác biệt. |  |
| **41** |  | ***+ Văn bản 2:*** *Ông lão đánh cá và con cá vàng (Pu - Skin)* | **3**  **(Tiết 76,77,78)** | ***1. Về kiến thức:***  + Tri thức mở rộng về thể loại truyện cổ tích nước ngoài và truyện cổ tích của Pus-kin; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản truyện “ Ông lão đánh cá và con cá vàng”.  + Tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản  + Cuộc đấu tranh giai cấp được thể hiện trong câu chuyện.  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố tưởng tượng, kì ảo..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện cổ tích Pus-kin; xác định được ngôi kể trong văn bản.  - Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả được thể hiện qua văn bản  - Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyện cổ tích; những biểu hiện của cuộc đấu tranh giai cấp trong tác phẩm.  - Viết được đoạn văn nếu cảm nhận về một nhân vật trong truyện.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Nhân ái:*HS biết tôn trọng, yêu thương, sống chan hòa với mọi người xung quanh, trân trọng cuộc sống đang có  - *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình( học tập những đức tính tốt, tránh những biểu hiện xấu, sai lệch như: tham lam, bội bạc, dữ dằn, thô lỗ), có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết. |  |
| **42** |  | **- Thực hành tiếng Việt:**  *Mở rộng chủ ngữ* | **1**  **(Tiết 79)** | ***1. Về kiến thức:***  - Chủ ngữ là gì?  - Thế nào là mở rộng chủ ngữ?  ***2. Về năng lực:***  - Nhận diện được từ ghép, từ láy và tác dụng.  - Xác định dược chủ ngữ trong câu.  - Nhận biết được cụm danh từ và cấu tạo của nó.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -*Trách nhiệm:*Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. |  |
| **43** |  | - **Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản 3:*** *Cô bé bán diêm*  *(An-Đéc-Xen)* | **1**  **(Tiết 80)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức về thể loại truyện nói chung và truyện An-đéc-xen nói riêng ( đề tài, nhân vật, tình huống…); nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản truyện “ Cô bé bán diêm”.  - Hiện thực xã hội được thể hiện qua văn bản  - Tấm lòng của nhà văn được thể hiện trong tác phẩm…  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố tưởng tượng, kì ảo..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện An-đéc-xen; xác định được ngôi kể trong văn bản.  - Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả được thể hiện qua văn bản và tác dụng, ý nghĩa của những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu.  - Phân tích được nhân vật, chi tiết, tình huống trong văn bản.  - Viết được đoạn văn nếu cảm nhận về một nhân vật trong truyện.  ***3. Về phẩm chất:***  - Nhân ái:HS biết tôn trọng, yêu thương, sống chan hòa với mọi người xung quanh, biết sẻ chia với cảnh đời bất hạnh trong cuộc sống; trân trọng cuộc sống đang có  - Chăm học, chăm làm: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -Trách nhiệm: hành động có trách nhiệm với chính mình( học tập những đức tính tốt, tránh những biểu hiện xấu, sai lệch như: vô tâm, thiếu tình thương, sống ích kỉ), chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện. |  |
| **44** |  | **- Viết**: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ | **3**  **(Tiết 81,82,83)** | ***1. Về kiến thức:***  - Người kể chuyện ngôi thứ nhất  - Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân  - Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể  ***2. Về năng lực:***  - Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra  ***3. Về phẩm chất:***  - Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân. |  |
| **45** |  | **- Nói và nghe:**Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ | **1**  **(Tiết 84)** | ***1. Về kiến thức:***  - Ngôi kể và người kể chuyện  - Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân  ***2. Về năng lực:***  - Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.  - Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.  - Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm.  ***3. Về phẩm chất:***  - Nhân ái, trân trọng kỉ niệm và yêu cuộc sống. |  |
|  |  | **Tự đánh giá, hướng dẫn tự học (học sinh tự học)** |  |  |  |
| **46** | **BÀI 7.**  **THƠ**  **(THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ)** | **- Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1:*** *Đêm nay Bác không ngủ (Minh Huệ)* | **3**  **(Tiết 85,86,87)** | ***1. Kiến thức:***  - Tri thức về thể loại thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản .  - Tư tưởng, tình cảm của tác giả Minh Huệ được thể hiện qua văn bản.  - Hình ảnh Bác Hồ trong cảm nhận của người chiến sĩ.  - Đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của bài thơ: Sự kết hợp giữa yếu tố tự sự, miêu tả, với biểu cảm và các biện pháp nghệ thuật khác.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được ngôi kể trong văn bản.  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiểt, nhân vật, thể thơ, yếu tố miêu tả và tự sự; sự kết hợp giữa các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm trong bài thơ ), nội dung (đề tài; chủ đề; ý nghĩa; tình cảm của tác giả, của anh đội viên với Bác và tình cảm của Bác đối với chiến sĩ và dân công,...) .  - Rèn kỹ năng đọc – hiểu văn bản thơ.  - Kể tóm tắt diễn biến câu chuyện bằng một đoạn văn ngắn.  - Biết cách đọc thơ tự sự viết theo thể thơ năm chữ có kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm, thể hiện được tâm trạng lo lắng không yên của Bác Hồ; tâm trạng ngạc nhiên, xúc động lo lắng và niềm vui sướng HP của người chiến sĩ.  - Trình bày suy nghĩ ý tưởng, cảm nhận của bản thân về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương chia sẻ với những người xung quanh, tự hào về truyền thống đánh giặc của dân tộc.  - *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ  - Yêu nước, tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc thể hiện trong tác phẩm.  - Biết ơn, kính trọng đối với những người có công.  - Tự lập, tự tin, có tinh thần vượt khó. |  |
| **47** |  | ***+ Văn bản 2:*** *Lượm (Tố Hữu)* | **2**  **(Tiết 88,89)** | ***1. Về kiến thức:***  - Học sinh nhận biết được những đặc điểm hình thức (vần, nhịp, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,..) của bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả.  - HS cảm nhận được vẻ đẹp hồn nhiên, vui tươi, trong sáng của hình ảnh Lượm, ý nghĩa cao cả về sự hi sinh của nhân vật, nghệ thuật miêu tả nhân vật kết hợp với kể và biểu hiện cảm xúc.  - Suy nghĩ, cảm xúc, ấn tượng về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả đã được học, được đọc, được nghe hoặc sưu tầm,…  ***2. Về năng lực:***  - Sử dụng năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học để trình bày những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc, ấn tượng của bản thân về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.  - Nhận biết được một số đặc điểm hình thức của bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả.  ***3. Về phẩm chất:***  - HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  - Biết làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.  **-** Giáo dục lòng yêu mến khâm phục các bạn nhỏ dũng cảm hy sinh vì nghĩa lớn; lòng tự hào về những tấm gương anh dũng của tuổi trẻ Việt Nam. |  |
| **48** |  | **- Thực hành tiếng Việt:**  *Biện pháp tu từ hoán dụ* | **2**  **(Tiết 90,91)** | ***1. Về kiến thức***  - HS nhận biết được biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;  - HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.  ***2. Về năng lực***  - Xác định được hoán dụ.  - Nhận diện và phân tích biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;  - Hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.  ***3. Về phẩm chất***  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. |  |
| **49** |  | - **Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản 3:*** *Gấu con có chân vòng kiềng (U-Xa-Chốp)* | **1**  **(Tiết 92)** | ***1. Về kiến thức:***  - Nhận biết được những đặc điểm hình thức (vần, nhịp, biện pháp tu từ , yếu tố tự sự và miêu tả… ), nội dung ( đề tài, chủ đề, ý ngĩa….) của thơ có sử dụng yếu tố biểu cảm và miêu tả.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được câu chuyện trong bài thơ  - Nhận biết những yếu tố biểu cảm , miêu tả trong văn bản.  - Xác định một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ  - Rút ra ý nghĩa bài thơ  ***3. Về phẩm chất:***  - *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống.  - *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ. |  |
| **50** |  | **- Viết**: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả. | **3**  **(Tiết 93,94,95)** | ***1. Về kiến thức:***  - Đặc điểm về hình thức (thể loại, vần nhịp, các hình ảnh, chi tiết nghệ thuật, các biện pháp tu từ, yếu tố tự sự, miêu tả,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, tình cảm,…) của bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.  - Suy nghĩ, cảm xúc, ấn tượng về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả đã được học, được đọc, được nghe hoặc sưu tầm,…  ***2. Về năng lực:***  - Biết viết một đoạn văn đảm bảo yêu cầu về hình thức, nội dung.  - Sử dụng năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học để trình bày những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc, ấn tượng của bản thân về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.  - Rèn luyện kĩ năng tư duy, hình thành ý tưởng và trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo, giàu sức thuyết phục.  ***3. Về phẩm chất:***  - Biết cảm nhận, rung động trước vẻ đẹp của cuộc sống và con người.  - Yêu quý, trân trọng những nhân vật, sự vật, sự việc cao đẹp, ý nghĩa trong cuộc sống. |  |
| **51** |  | **- Nói và nghe:**Trình bày ý kiến về một vấn đề. | **1**  **(Tiết 96)** | ***1. Về kiến thức:***  - Trình bày một vấn đề cuộc sống gợi ra từ tác phẩm  ***2. Về năng lực:***  ***-*** Biết lập ý *và* trình bày một vấn đề bằng lời văn nói của bản thân  - Biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể)  - Biết cách nói và nghe phù hợp với nội dung bài trình bày.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Nhân ái:* Trân trọng, yêu mến những tác phẩm văn học.  - *Chăm chỉ:*  Luôn nỗ lực, sáng tạo những điều mới mang dấu ấn cá nhân. |  |
|  |  | **Tự đánh giá, hướng dẫn tự học (học sinh tự học)** |  |  |  |
| **52** | **BÀI 8.**  **VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**  **(NGHỊ LUẬN XÃ HỘI)** | **- Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1:*** *Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?* | **3**  **(Tiết 97,98,**  **99)** | ***1. Về kiến thức:***  - Khái niệm văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)  - Ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết  - Tóm tắt được văn bản nghị luận để nắm được ý chính của văn bản  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề bài  - Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.  - Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ  - Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời xống xã hội và đối với bản thân  ***3. Về phẩm chất:***  - Yêu quý động vật, sống hòa hợp với thiên nhiên. |  |
| **53** |  | ***+ Văn bản 2:*** *Khan hiếm nước ngọt.* | **2**  **(Tiết 100,101)** | ***1. Về kiến thức***  - Tri thức ngữ văn (khái niệm nghị luận xã hội trình bày một ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng).  - Thực hành tiết kiệm nước  - Xác định được Từ Hán Việt, văn bản, đoạn văn.  ***2. Về năng lực***  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức ( ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, …) nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,…) của các văn bản nghị luận xã hội.  - Biết tiết kiệm nước trong cuộc sống hàng ngày  - Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe  - Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống  - Trình bày được ý kiến về một hiện tượng trong đời sống  **3. Về phẩm chất**  - *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống. Biết cảm thông, ca ngợi những hành động đẹp; lên án những hạnh động xấu.  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân. Vượt lên trên hoàn cảnh, nhiệt tình tham giác công việc của tập thể về tuyền truyền, vận động mọi người xung quanh cùng nhau tiết kiệm nước.  -*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước về vấn đề tiết kiềm nước. Biết không đổ lỗi cho người khác.  - *Trung thực*:Luôn tôn trọng lẽ phải về những vấn đề về nước; thật thà, ngay thẳng trong vấn đề lên án thực trạng khan hiếm nguồn nước ngọt.  - *Yêu nước*: HS luôn tự hào và bảo vệ thiên nhiên, con người Việt Nam khi chung tay bảo vệ nguồn nước ngọt |  |
| **54** |  | **- Thực hành tiếng Việt:** *Từ Hán Việt, văn bản và đoạn văn* | **2**  **(Tiết 102,103)** | ***1. Về kiến thức:***  - Khái niệm văn bản, đoạn văn, từ Hán Việt.  - Học sinh viết được đoạn văn theo chủ đề  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết các từ Hán Việt  - Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt.  - Biết cách trình bày đúng hình thức một đoạn văn, văn bản.  - Nhận biết được câu chủ đề của đoạn văn, văn bản  - Biết cách viết một đoạn văn theo chủ đề, có sử dụng câu chủ đề  ***3. Về phẩm chất:***  - Có ý thức giữ gìn tiếng Việt, học hỏi, trân trọng từ Hán Việt |  |
| **55** |  | - **Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản 3:*** *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?* | **1**  **(Tiết 104)** | ***1. Về kiến thức:***  *-* Vận dụng những hiểu biết về văn nghị luận xã hội vào đọc hiểu văn bản:  - Xác định được nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết  - Hiểu, xác định, lý giải được ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng của người viết đưa ra trong văn bản nghị luận xã hội.  - Nắm được cách trình bày văn bản nghị luận.  - Nhận ra được ý nghĩa, mối quan hệ giữa vấn đề đặt ra trong văn bản đối với đời xống xã hội và bản thân.  ***2. Về năng lực:***  - Phát triển năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học.  ***3. Về phẩm chất:***  - Biết chăm sóc, yêu quý và bảo vệ động vật, sống hòa hợp với thiên nhiên. |  |
| **56** | **ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA**  **GIỮA HỌC KÌ II** | **Ôn tập giữa học kỳ II***:* Đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết... | **1**  **(Tiết 105)** | ***1. Về kiến thức:***  - Giúp học sinh hệ thống hoá kiến thức đã học và cách sử dụng những kiến thức ấy vào bài kiểm tra.  - Trình bày được các nội dung cơ bản đã học ở giữa học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.  ***2. Về năng lực:***  - Biết vận dụng những kiến thức và kĩ năng ngữ văn đã học một cách tổng hợp, toàn diện theo nội dung và cách thức kiểm tra, đánh giá mới.  ***3. Về phẩm chất:***  - Giáo dục cho HS ý thức làm bài cẩn thận, khoa học.  - Tự tin, độc lập, tự chủ. |  |
| **57** |  | **Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II** | **2**  **(Tiết 106,107)** | ***1. Kiến thức:***  - Kiến thức về văn bản truyện, thơ  - Kiến thức về câu, biện pháp tu từ, câu, đoạn văn nghị luận.  ***2. Năng lực:***  - Củng cố, khắc sâu kiến thức về truyện và thơ  - Nhận biết và vận dụng được kiến thức về câu trong đoạn văn.  - Viết được đoạn văn biểu cảm  - Viết được bài văn tự sự  ***3. Phẩm chất:***  - Chăm chỉ ôn luyện, trung thực trong kiểm tra, đánh giá. |  |
| **58** |  | **- Viết**: Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. | **3**  **(Tiết 108,109,**  **110)** | ***1. Về kiến thức****:*  - HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.  - Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.  ***2. Về năng lực****:*  - Nêu được hiện tượng (vấn đề) để bàn luận.  - Người viết có thái độ rõ ràng về hiện tượng.  - Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để ý kiến có sức thuyết phục.  - Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ.  - Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời xống xã hội và đối với bản thân.  ***3. Về phẩm chất****:*  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, học hỏi, sáng tạo.  -*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. |  |
| **59** |  | **- Nói và nghe:** Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. | **1**  **(Tiết 111)** | ***1. Về kiến thức:***  - Xác định được ý kiến, trình bày quan điểm, suy nghĩ của bản thân trước một hiện tượng trong đời sống.  - Trình bày ý kiến, quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một hiện tượng trong đời sống.  - Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;  - Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.  ***2. Về năng lực:***  - Biết cách nói và nghe phù hợp, sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.  ***3. Về phẩm chất:***  - Yêu quý, trân trọng những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống. |  |
| **60** |  | **Trả bài kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II** | **1**  **(Tiết 112)** | ***1. Về kiến thức:***  **-** Củng cố kiến thức của bài kiểm tra giữa kỳ.  ***2. Về năng lực:***  - Đọc và xác định đúng yêu cầu của đề.  **-** Nghiêm túc, có tinh thần phê và tự phê, rút kinh nghiệm cho các bài KT sau.  ***3. Về phẩm chất:***  + Trung thực, tự trọng, chí công, vô tư.  + Tự lập, tự tin, tự chủ.  + Có trách nhiệm. |  |
|  |  | **Tự đánh giá, hướng dẫn tự học (học sinh tự học)** |  |  |  |
| **61** | **BÀI 9.**  **TRUYỆN**  **(TRUYỆN NGẮN)** | **- Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1:*** *Bức tranh của em gái tôi ( Tạ Duy Anh)* | **3**  **(Tiết 113,114,**  **115)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức bước đầu biết về thể loại truyện ngắn; đọc- hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật.  - Những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lý nhân vật trong tác phẩm. Sự chiến thắng của tình cảm trong sáng, nhân hậu đối với lòng ghen ghét đố kị. Tình cảm của người em có tài năng đối với người anh  - Những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.  - Cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện: không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua sự tự nhận thức của nhân vật chính.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được ngôi kể trong văn bản.  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố nghệ thuật,,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện ngắn  - Hiểu hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền ngắn.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Nhân ái:* Biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, nhận thức và xác định cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.  - *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  - *Trách nhiệm:* Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện ngắn. |  |
| **62** |  | ***+ Văn bản 2:*** *Điều không tính trước (Nguyễn Nhật Ánh)* | **3**  **(Tiết 116,117,**  **118)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức bước đầu biết về thể loại truyện ngắn; đọc- hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật.  - Những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lý nhân vật trong tác phẩm. Ca ngợi sự điềm đạm, bình tĩnh, suy nghĩ thấu đáo cũng như sự đoàn kết trong tình bạn; phê phán sự bốc đồng, hiếu thắng, thấm thía nhất là sự đoàn kết trong tình bạn. Bởi vì đó là một tình cảm tốt đẹp cần được trân trọng.  - Những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.  - Cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện: không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua sự tự nhận thức của nhân vật chính.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được ngôi kể trong văn bản.  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố nghệ thuật,,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện ngắn  - Hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền ngắn.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Nhân ái:* Biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, nhận thức và xác định cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.  - *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  - *Trách nhiệm:* Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết. |  |
| **63** |  | **- Thực hành tiếng Việt:**  *Trạng ngữ* | **1**  **(Tiết 119)** | ***1. Về kiến thức:***  + Tri thức được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ, vận dụng được những hiểu biết vể trạng ngữ vào đọc, viết, nói và nghe.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ.  -Vận dụng được những hiểu biết vể trạng ngữ vào đọc, viết, nói và nghe.  - Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng trạng ngữ.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  - *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. |  |
| **64** |  | - **Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản 3:*** *Chích bông ơi!*  *(Cao Duy Sơn)* | **1**  **(Tiết 120)** | ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức bước đầu biết về thể loại truyện ngắn; đọc- hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật.  - Những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lý nhân vật trong tác phẩm. Sự chiến thắng của tình cảm trong sáng: biết nhận lỗi sai và luôn ân hận về những hành vi sai lầm của mình.  - Những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.  - Cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện: không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua sự tự nhận thức của nhân vật chính.  ***2. Về năng lực:***  - Xác định được ngôi kể trong văn bản.  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố nghệ thuật,,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện ngắn  - Hiểu hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền ngắn.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Nhân ái:* HS biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với những sự vật xung quanh, có suy nghĩ và việc làm nhân hậu, bao dung, biết nhận lỗi sai và luôn ân hận về những hành vi sai lầm của mình.  - *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  - *Trách nhiệm:* Hành động có trách nhiệm với chính mình, giúp đỡ mọi người, mọi vật xung quanh bằng những hành động cụ thể. |  |
| **65** |  | **- Viết**: Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt | **3**  **(Tiết 121,122,**  **123)** | ***1. Về kiến thức****:*  - Nắm được đặc điểm, hình thức, bố cục bài văn tả cảnh sinh hoạt.  - Biết quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét khi miêu tả hoạt động của một người hoặc nhiều người trong quá trình lao động và học tập hoặc tham gia các hoạt động khác.  - Trình bày những điều đã quan sát về cảnh sinh hoạt theo một trình tự hợp lí  - Rèn kĩ năng tìm ý, lập dàn ý, viết bài văn cho bài văn tả cảnh sinh hoạt đan xen các yếu tố tự sự, biểu cảm.  ***2. Về năng lực****:*  - Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tạo lập văn bản: Biết dùng lời văn của bản thân kết hợp sử dụng các biện pháp tu từ để tả cảnh sinh hoạt.  - Biết thu thập thông tin liên quan đến đề tài: Biết quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét khi miêu tả cảnh sinh hoạt có đan xen các yếu tố tự sự, biểu cảm.  - Tập trung trọng tâm vào việc miêu tả hoạt động.  ***3. Về phẩm chất****:*  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.  -*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. |  |
| **66** |  | **- Nói và nghe:**Thảo luận nhóm về một vấn đề | **1**  **(Tiết 124)** | ***1. Về kiến thức:***  - HS phân biệt được văn viết với văn nói chú ý đến các yếu tố phi ngôn ngữ (phong cách, giọng điệu, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt…).  - Biết lựa chọn vấn đề cần thảo luận.  - Tìm hiểu thu thập thông tin về vấn đề cần thảo luận.  - Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài văn nghị luận  ***2. Về năng lực:***  - Năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp. Diễn đạt ý tưởng một cách tự tin; thể hiện được biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.  - Năng lực giải quyết vấn đề: Phát hiện, lựa chọn và thu thập thông tin trong thực tiễn.  - Năng lực sáng tạo: Phát hiện những khía cạnh, giá trị mới của vấn đề.  - Năng lực hợp tác: Tham gia hoạt động nhóm, điều chỉnh thái độ, cách ứng xử phù hợp.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Nhân ái:* Biết quan tâm, nhường nhịn, vị tha, biết chia sẻ.  - *Chăm chỉ:* Luôn nỗ lực, sáng tạo những điều mới mang dấu ấn cá nhân. |  |
|  |  | **Tự đánh giá, hướng dẫn tự học (học sinh tự học)** |  |  |  |
| **67** | **BÀI 10.**  **VĂN BẢN THÔNG TIN**  **(THUẬT LẠI SỰ KIỆN THEO NGUYÊN NHÂN- KẾT QUẢ)** | **- Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1:*** *Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng.* | **3**  **(Tiết 125,126,**  **127)** | ***1. Về kiến thức:***  - Hình thức trình bày một văn bản thông tin thuật lại một sự kiện, triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.  - Những thông tin về quá trình sáng tác và phổ biến bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (từ ngữ, nhan đề, bố cục, sa pô, hình ảnh, cách triển khai,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ, tình cảm người viết,...) thể hiện qua văn bản  - Phân tích được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản  ***3. Về phẩm chất:***  - *Nhân ái:* biết đề cao, trân trọng giá trị văn hóa của dân tộc; biết ơn, trân quý những người có công với đất nước, dân tộc.  - *Chăm học, chăm làm:* có ý thức vận dụng bài học rút ra từ văn bản vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước khi hiểu được giá trị văn hóa được gợi lên từ văn bản, bài hát. |  |
| **68** | **ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA**  **HỌC KÌ II** | **Ôn tập học kỳ II**: Đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết | **1**  **(Tiết 128)** | ***1. Về kiến thức:***  - Giúp học sinh hệ thống hoá kiến thức đã học và cách sử dụng những kiến thức ấy vào bài kiểm tra.  - Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong sách Ngữ văn 6, chủ yếu là tập hai, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.  ***2. Về năng lực:***  - Biết vận dụng những kiến thức và kĩ năng ngữ văn đã học một cách tổng hợp, toàn diện theo nội dung và cách thức kiểm tra, đánh giá mới.  ***3. Về phẩm chất:***  - Giáo dục cho HS ý thức làm bài cẩn thận, khoa học.  - Tự tin, độc lập, tự chủ. |  |
| **69** |  | **Kiểm tra, đánh giá học kỳ II** | **2**  **(Tiết 129,130)** | ***1. Kiến thức:***  - Kiến thức về văn bản truyện, thơ  - Kiến thức về câu, biện pháp tu từ, câu, đoạn văn nghị luận.  ***2. Năng lực:***  - Củng cố, khắc sâu kiến thức về truyện và thơ  - Nhận biết và vận dụng được kiến thức về trạng ngữ, từ Hán Việt, dấu câu câu trong viết đoạn văn, bài văn.  - Viết được đoạn văn nghị luận xã hội.  - Viết được bài văn miêu tả  ***3. Phẩm chất:***  - Chăm chỉ ôn luyện, trung thực trong kiểm tra, đánh giá. |  |
| **70** | **BÀI 10.**  **VĂN BẢN THÔNG TIN**  **(THUẬT LẠI SỰ KIỆN THEO NGUYÊN NHÂN- KẾT QUẢ)** | ***+ Văn bản 2:*** *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng ?* | **2**  **(Tiết 131,132)** | ***1. Về kiến thức:***  - Những thông tin về nguyên nhân chiến thắng của bóng đá Việt Nam.  - Cách triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết được đặc điểm của một số yếu tố hình thức (nhan đề, bố cục, sa pô, hình ảnh, cách triển khai, …), nội dung (đề tài, vấn đề, ý nghĩa,…) của văn bản thông tin, cách triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.  - Phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.  ***3. Về phẩm chất:***  - Trung thực và có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các sự kiện.  - Rút ra bài học cho bản thân từ những nguyên nhân giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng: sự tự tin, có khát vọng, có tinh thần đoàn kết. |  |
| **71** |  | **- Thực hành tiếng Việt:** *Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu phù hợp* | **2**  **(Tiết 133,134)** | ***1. Về kiến thức:***  - Mục đích của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong tạo lập văn bản nói chung, văn bản thông tin nói riêng  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết, hiểu được được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong văn bản  - Tạo lập được văn bản có sử dụng từ ngữ và cấu trúc câu phù hợp với mục đích giao tiếp của văn bản.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  - *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản. |  |
| **72** |  | - **Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản 3:*** *Những phát minh tình cờ và bất ngờ.* | **1**  **(Tiết 135)** | ***1.Kiến thức:***  - Thông tin về những phát minh khoa học bất ngờ và tình cờ.  - Mục đích, diễn biến , kết quả và ứng dụng của các phát minh.  ***2. Năng lực:***  - Nhận biết được một số khái niệm thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học.  - Hiểu được tác dụng của các phát minh đó để ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống.  - Hiểu được tình yêu, niềm say mê khoa học dù đó là những phát minh tình cờ và bất ngờ.  ***3. Phẩm chất:***  - Trân trọng những nghiên cứu khoa học. |  |
| **73** |  | **- Viết**: Tóm tắt văn bản thông tin, viết biên bản. | **3**  **(Tiết 136,137,**  **138)** | ***1. Về kiến thức:***  - Khái niệm thế nào là tóm tắt một văn bản thông tin.  - Trình tự các bước tóm tắt một văn bản thông tin.  - Khái niệm biên bản và các loại biên bản thường gặp  - Quy trình và cách thức trình bày một biên bản.  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết được đặc điểm văn bản thông tin khi đã tóm tắt.  - Biết tóm tắt một văn bản thông tin bất kì.  - Viết được biên bản trong các tình huống khác nhau về một vụ việc hay một cuộc họp, thảo luận,...  - Nhận thấy sự giống và khác nhau của từng loại biên bản  ***3. Về phẩm chất:***  - Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.  -Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức lý thuyết để tạo lập văn bản tóm tắt.  - Nghiêm túc, cẩn thân khi viết biên bản.  - Trung thực và có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các sự kiện, sự việc diễn ra trong đời sống. |  |
| **74** |  | **- Nói và nghe:**Thảo luận nhóm về một vấn đề | **1**  **(Tiết 139)** | ***1. Kiến thức:***  - Thảo luận nhóm về nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc  ***2. Năng lực:***  - Biết thuật lại nguyên nhân dẫn đến kết quả một sự việc.  - Nói được nguyên nhân sự việc.  - Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài về một vấn đề  ***3. Phẩm chất:***  - Ý thức tự giác, tích cực trong học tập. |  |
| **75** |  | **Trả bài kiểm tra, đánh giá học kỳ II** | **1**  **(Tiết 140)** | ***1. Về kiến thức:***  **-** Củng cố kiến thức của bài kiểm tra giữa kỳ.  ***2. Về năng lực:***  - Đọc và xác định đúng yêu cầu của đề.  **-** Nghiêm túc, có tinh thần phê và tự phê, rút kinh nghiệm cho các bài KT sau.  ***3. Về phẩm chất:***  + Trung thực, tự trọng, chí công, vô tư.  + Tự lập, tự tin, tự chủ.  + Có trách nhiệm. |  |
|  |  | **Tự đánh giá, hướng dẫn tự học (học sinh tự học)** |  |  |  |

\*Lưu ý: Về phân bổ thời lượng trong các bài

- Tổng thời lượng cho Lớp 6 là 140 tiết/năm. Ngoài *Bài Mở đầu* 4 tiết, 8 tiết Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I và cuối học kì II; các bài còn lại (từ 1 đến 10) đều 12 tiết; có 8 tiết dự trữ.Trong mỗi bài 12 tiết, thường phân bổ như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nội dung dạy học | Thời lượng (tiết) |
| 1 | Đọc hiểu văn bản | 4 - 5 |
| 2 | Thực hành tiếng Việt | 1 - 2 |
| 3 | Thực hành đọc hiểu | 1 - 2 |
| 4 | Viết | 3 |
| 5 | Nói và nghe | 1 - 2 |

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| Giữa Học kỳ 1 | 90’ | Tuần 9 | *1. Kiến thức:*  - Kiến thức về văn bản truyện, thơ  - Kiến thức về từ trong câu và đoạn văn.  2*. Năng lực:*  - Củng cố, khắc sâu kiến thức về truyện và thơ  - Nhận biết và vận dụng được kiến thức về từ trong câu và đoạn văn.  - Viết được bài văn tự sự  *3. Phẩm chất:*  - Chăm chỉ ôn luyện, trung thực trong kiểm tra, đánh giá. | Viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 90’ | Tuần 17 | *1. Kiến thức:*  - Kiến thức về văn bản truyện, thơ  - Kiến thức về từ, biện pháp tu từ, câu, đoạn văn nghị luận.  *2. Năng lực:*  - Củng cố, khắc sâu kiến thức về truyện và thơ  - Nhận biết và vận dụng được kiến thức về câu trong đoạn văn.  - Viết được đoạn văn nghị luận  - Viết được bài văn tự sự  *3. Phẩm chất:*  - Chăm chỉ ôn luyện, trung thực trong kiểm tra, đánh giá. | Viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 90’ | Tuần 27 | *1. Kiến thức:*  - Kiến thức về văn bản truyện, thơ  - Kiến thức về câu, biện pháp tu từ, câu, đoạn văn nghị luận.  *2. Năng lực:*  - Củng cố, khắc sâu kiến thức về truyện và thơ  - Nhận biết và vận dụng được kiến thức về câu trong đoạn văn.  - Viết được đoạn văn biểu cảm  - Viết được bài văn tự sự  *3. Phẩm chất:*  - Chăm chỉ ôn luyện, trung thực trong kiểm tra, đánh giá. | Viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 90’ | Tuần 33 | *1. Kiến thức:*  - Kiến thức về văn bản truyện, thơ  - Kiến thức về câu, biện pháp tu từ, câu, đoạn văn nghị luận.  *2. Năng lực:*  - Củng cố, khắc sâu kiến thức về truyện và thơ  - Nhận biết và vận dụng được kiến thức về trạng ngữ, từ Hán Việt, dấu câu câu trong viết đoạn văn, bài văn.  - Viết được đoạn văn nghị luận xã hội.  - Viết được bài văn miêu tả  *3. Phẩm chất:*  - Chăm chỉ ôn luyện, trung thực trong kiểm tra, đánh giá. | Viết |

III. Các nội dung khác :

\*Đăng kí chỉ tiêu:

- GVDG cấp trường: ... đồng chí

- GVDG cấp huyện: .... đồng chí

\* Chất lượng bộ môn đại trà:

\* Học sinh giỏi các cấp:

\* Công tác bồi dưỡng đội ngũ:

\* Công tác bồi dưỡng chuyên môn: sinh hoạt tổ chuyên môn chuyên sâu (chuyên đề cấp tổ - cấp cụm - cấp trường - liên trường), sinh hoạt chuyên đề theo hướng nghiên cứu bài học;

\* Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HSG, phụ đạo HS yếu - kém…

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ TRƯỞNG  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…*  HIỆU TRƯỞNG  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |